

NGŨ VĂN 8- TUẦN 32
BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI
(THƠ TRÀO PHÚNG)

VĂN BẢN 1: BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

-Nguyễn Khuyến-

I. TRẢI NGHIỆM CỦA VĂN BẢN

1. Tác giả

-Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)

-Quê quán: Bình Lục – Hà Nam

-là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu ba kỳ thi” Hương, Hội, Đình. → Tam Nguyên Yên Đổ

→ Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của dân tộc.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ

-Bố cục, mạch cảm xúc:

+ câu thơ đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi → Niềm vui hồ hởi khi bạn đến chơi

+6 câu tiếp Hoàn cảnh tiếp đãi bạn → Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le

+ Câu cuối: Quan niệm về tình bạn → Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn

→ **Tạo ra một kết cấu độc đáo, 1/6/1 phá bỏ ràng buộc về bố cục 2/2/2/2 của thể thơ**

-Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:

-Cách xưng hô: bác : thể hiện sự thân mật, gần gũi, tôn trọng.

-Liệt kê các từ ngữ: hình ảnh: trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn ruộng, cải chưa ra cây, cà mới nụ, bầu rụng rốn, mướp đương hoa, trầu không có.

-Thủ pháp trào phúng: Phóng đại, lời nói hóm hỉnh

-Tiếng cười trào phúng: tự trào (cười mình) một cách hóm hỉnh đùa vui. → Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng tác giả có một tình cảm chân thành, thân thiết.

2. Tình cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn

2.1 câu đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi nhà

“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà”

-Thời gian: đã bấy lâu nay → Thời gian rất lâu không gặp

-Cách xưng hô: Bác → thân mật, gần gũi, tôn trọng

→ **Câu thơ bộc lộ sự hồ hởi, vui mừng khi bạn đến chơi nhà.**

2.2 Sáu câu thơ tiếp : Hoàn cảnh tiếp đãi bạn

- Trẻ - đi vắng → không có người sai bảo

- Chợ - xa → không dễ mua thức ăn ngon đãi bạn

- Thịt cá:

+ Cá: ao sâu, nước cả

+ Gà: vườn rộng, rào thưa

⇒ **Không bắt được**

- Rau quả:

+ Cải: chữa ra cây

+ Cà: mới nụ

+ Bầu: vừa rụng rốn

+ Mướp: đương hoa

⇒ **Không dùng được**

- Lễ nghi tiếp khách: trầu → không có (nói quá)

-> **Liệt kê theo giá trị giảm dần, có cũng như không, ngôn ngữ giản dị, tiếng cười tự trào hóm hỉnh.**

→ **Tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường.**

2.3 câu thơ cuối: Quan niệm về tình bạn

- Ta₁: Chủ nhà (tác giả)

- Ta₂: Khách (bạn)

- Ta với ta: tuy 2 mà một

→ Đại từ

→ **Tình bạn đậm đà, thắm thiết, giản dị vượt lên vật chất tầm thường**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Sử dụng phá cách thể thơ Thất ngôn bát cú với lời thơ mộc mạc, giản dị, gần gũi.
- Sử dụng linh hoạt thủ pháp nghệ thuật trào phúng.

2. Nội dung

Qua tiếng cười tự trào, hóm hỉnh đùa vui tác giả đã bày tỏ sự trân trọng, yêu quý sâu sắc của mình dành cho bạn

VB2: ĐỀ ĐỀN SÂM NGHI ĐỒNG

-Hồ Xuân Hương-

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả

- Hồ Xuân Hương (?-?)
 - Sống khoảng cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX
 - Quê quán: Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An.
 - Là người nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm. Tổng cộng 50 bài.
 - Chủ đề: Bệnh vực, đề cao phụ nữ và đề kích thói đạo đức giả của quan lại vua chúa.
- Được ví là Bà chúa thơ Nôm.

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ

- Bố cục, mạch cảm xúc

+Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sâm Nghi Đồng → Chế giễu, dè bủ, coi thường

+Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ → Thể hiện sự tự hào, và một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.

- **Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:** ghé mắt, kìa, đứng cheo leo. Cách xưng hô: Đây: Thể hiện sự tự tôn, ý thức về giá trị bản thân.

- **Thủ pháp trào phúng:** Cách nói giễu nhại để gây ra tạo ra tiếng cười.

- **Tiếng cười trào phúng:** (cười người): Thái độ xem thường, giễu cợt, mỉa mai đối với Sầm Nghi Đống, đồng thời bộ lộ cá tính, bản lĩnh khát vọng muốn thay đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng vẻ vang cho phận nữ nhi của HXH

2. Thái độ của tác giả

2.1 Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống

- Từ ngữ, hình ảnh: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo → động từ, đại từ, từ láy gợi hình.

Thái độ: Ngạo mạn, nhìn nghiêng-liếc qua, tay chỏ

- Ngắt nhịp: 1/3/3 + “kìa”: Thái độ ngạo nhiên

- Hình tượng đền độc đáo: hiện lên sự thảm hại của tên tên bại trận dưới con mắt nữ sĩ họ Hồ.

→ **Thái độ giễu cợt, coi thường, dể bêu tên tướng bại trận Sầm Nghi Đống.**

2.2 Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ

- Cách xưng hô: “Đây” Ngang hàng với đây – Sầm Nghi Đống → Ý thức rõ về giá trị của mình, thái độ mỉa mai, xem thường tên tướng giặc.

- Từ ngữ hình ảnh thơ đặc sắc: “Đổi phận làm trai được”, “há bấy nhiêu”: Lời khẳng định, tuyên bố tài năng của người phụ nữ không hề thua kém đấng nam nhi.

→ **Âm hưởng bài thơ là khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ. Thái độ “bất kính” của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các “sự nghiệp anh hùng” của nam nhi, thách thức đối với thần linh.**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã được Việt hoá cao độ từ giọng điệu, ngôn từ đến ý thơ. Cách nhìn, cách tả, cách so sánh và suy nghĩ cho thấy một lối nói trào phúng, sắc nhọn. Bài thơ đa nghĩa, hóm hỉnh, sâu sắc.

2. Nội dung

- Khẳng định tài năng của người phụ nữ.

- Đả kích đền 1 vị thần xâm lược bại trận-bất tài vô dụng.